

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHẬN THỨC LUẬN, QUAN ĐIỂM LÝ THUYẾT, PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP TRONG NGHIÊN CỨU XÃ HỘI

TS. Nguyễn Xuân Nghĩa¹

TÓM TẮT

Từ những thắc mắc, khó khăn về mặt lý thuyết và phương pháp luận sinh viên gặp phải khi làm nghiên cứu khoa học, bài viết tìm hiểu mối quan hệ giữa bốn thành tố chính yếu trong nghiên cứu xã hội: nhận thức luận, quan điểm lý thuyết, phương pháp luận và phương pháp. Mối quan hệ giữa một số trong bốn thành tố có thể có tính xu hướng nhưng không mang tính tất định. Bốn thành tố trên tác động rõ rệt lên sản phẩm nghiên cứu. Việc phối hợp các thành tố này tạo ra các loại hình rất đa dạng trong nghiên cứu xã hội.

Từ khóa: Nghiên cứu xã hội, mẫu hình qui chiếu, nhận thức luận, quan điểm lý thuyết, phương pháp luận, phương pháp.

ABSTRACT

From the theoretical and methodological questions and difficulties that students encounter when doing research, this article explores the relationship between four key elements in the social research: epistemology, theoretical perspective, methodology and methods. The relationship between some of the four elements can be tendencies but non-deterministic. These four elements clearly impact on many aspects of research product. The combination of these elements generate diverse forms of social research.

Key words: Social research, paradigm, epistemology, theoretical perspective, methodology, methods.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong một thăm dò của chúng tôi về các khó khăn khi thực hiện nghiên cứu của sinh viên xã hội học, Trường Đại Học Mở Tp. HCM, sinh viên năm nhất, năm hai thường nêu lên những khó khăn về các kỹ thuật nghiên cứu (bản hỏi, tiếp cận đối tượng...). Trong khi sinh viên năm ba, năm tư cho biết khó khăn lớn nhất là làm thế nào nối kết được các dữ kiện thu thập được với lý thuyết. Trong thời gian gần đây, một em sinh viên gửi email hỏi: “Thưa Thầy, trong một công trình, phương pháp nghiên cứu nào (định lượng hay định tính) thì phải dùng lý thuyết liên quan, có đúng không?”. Câu hỏi thoát tiên xem ra

dễ trả lời, nhưng thật ra không như vậy, bởi lẽ vấn đề ở đây là hiểu khái niệm “lý thuyết”, “phương pháp” như thế nào, ở cấp độ nào?

Trong các tài liệu thư tịch về nghiên cứu, các thuật ngữ phương pháp, phương pháp luận, quan điểm lý thuyết và nhận thức luận được sử dụng một cách mơ hồ, chồng chéo và đôi lúc xung đột nhau (Carter, 2007, tr. 1317). “Không phải là không thông dụng khi thấy rằng, ví dụ, các thuật ngữ lý thuyết tương tác biểu tượng, dân tộc học, lý thuyết kiến tạo được đặt gần cạnh nhau và được xem như là “phương pháp luận”, “lối tiếp cận”, “viễn tượng lý thuyết” hay cái gì tương tự như

¹Phụ trách ngành Xã hội học, Khoa XHH-CTXH-DNA, Trường ĐHM TPHCM.

vậy. Thật ra chúng không thể so sánh với nhau. Gộp chung chúng mà không phân biệt thì cũng giống như xem nước xốt cà chua, gia vị và thực phẩm phụ là cùng một thứ” (Crotti, 1998, tr. 3).

Về mối quan hệ giữa phương pháp và lý thuyết, một số tác giả quan niệm khi sử dụng phương pháp thu thập thông tin nào đó là đã giả định về chọn lựa lý thuyết, nhưng một số tác giả khác cho rằng phương pháp (định lượng, định tính) có thể dùng cho bất kỳ mô hình nghiên cứu nào (Guba, Lincoln, 1994, tr. 105).

Do đó bài viết này sẽ cố gắng tìm hiểu mối quan hệ giữa bốn thành tố chính yếu của một nghiên cứu xã hội, đó là nhận thức luận (epistemology), quan điểm lý thuyết (theoretical perspective), phương pháp luận (methodology) và phương pháp (methods)². Các mối quan hệ này là một chiều hay nhiều chiều và có tính bắt buộc, tất định hay không?

2. BỐN THÀNH TỐ CHÍNH YẾU CỦA NGHIÊN CỨU XÃ HỘI

2.1. Xác định các thuật ngữ

Mặc dù còn có những tranh luận, chưa thống nhất, song các thuật ngữ phương pháp, phương pháp luận và nhận thức luận cần được định nghĩa rõ.

Trước hết là thuật ngữ dễ hiểu và cụ thể nhất: phương pháp. “Phương pháp là những công cụ và qui trình được nhà nghiên cứu sử dụng và thực hiện” (Hall, Kirsten, 2008, tr.253) hay là “qui trình, công cụ và kỹ thuật của nghiên cứu” (Schwandt, 2001, p. 158). Bùi Thế Cường cũng hiểu phương pháp trong nghĩa là chiến lược, thủ tục và kỹ thuật nghiên cứu (2010, tr. 33). Crotti lập luận chi tiết hơn: “Phương pháp là những kỹ thuật hay những qui trình được sử dụng để thu thập

và phân tích các dữ kiện có liên quan đến câu hỏi nghiên cứu hay giả thiết của vấn đề nghiên cứu” (1998, tr.3).

Phương pháp luận được định nghĩa là việc “phân tích các giả định, nguyên tắc và qui trình của một lối tiếp cận nghiên cứu cụ thể” (Schwandt, 2001, tr. 161). Và theo Crotti, “Phương pháp luận là cách thức, sách lược, quá trình nằm đằng sau việc chọn lựa hay sử dụng các phương pháp đặc thù, cụ thể và nối kết việc chọn lựa và sử dụng phương pháp với các kết quả đạt được” (1998, tr.3). Nói tóm lại, phương pháp luận cung cấp sự biện minh cho các phương pháp của một dự án nghiên cứu.

Quan điểm lý thuyết hay viễn tượng lý thuyết (theoretical perspective) là cơ sở triết lý nó biện minh cho phương pháp luận. Hay “Quan điểm lý thuyết cho phép người nghiên cứu thừa nhận và giải thích những giả định vốn gắn liền với các phương pháp luận được chọn lựa” (Hall, Kristen, 2008, 253). Là một lối tiếp cận để hiểu và giải thích về xã hội, về xã hội của con người. Nó đặt cơ sở trên một số giả định, lấy thí dụ lý thuyết tương tác biểu tượng, lý thuyết thực chứng...

Về nhận thức luận, Schwandt đưa ra định nghĩa: “Nhận thức luận là môn học về bản chất của tri thức và sự biện minh cho chúng” (2001, tr. 71). Còn theo Bryman: “Nhận thức luận là lý thuyết về nhận thức cho biết đâu là nhận thức có thể chấp nhận được” (2008, tr. 693). Nhận thức luận tiềm ẩn trong quan điểm lý thuyết và phương pháp luận.

Cuối cùng, một khái niệm có tính thời thượng và bao trùm là mẫu hình qui chiếu (paradigm), thuật ngữ do T. Kuhn đưa ra ([1962], 1996, bản dịch tiếng Việt, 2008). Thật ra quan điểm của Kuhn khá mơ hồ, do đó Masterman đã nêu ra hai mươi một

²Có nhiều khung (framework) trong việc trình bày các mối quan hệ này. Có tác giả, như Rawnsley, Chatterjee chỉ đề cập đến ba yếu tố: bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận (Rawnsley, 1998; Chatterjee, 2011). Hall và Kirsten, ngoài ba yếu tố trên, thêm phần “phân tích và kết quả (Hall, Kirsten, 2008, tr 253). Bài viết này theo khung trình bày của Crotti (1998) gồm bốn yếu tố nêu trên.

cách sử dụng thuật ngữ này ở Kuhn (Bryman, 2008, 605, Morgan, 2007, tr. 50). Qua lời bạt của tác phẩm này, tái bản năm 1969, Morgan tóm tắt mẫu hình có bốn ý nghĩa chính: 1) được xem như là thế giới quan; 2) được xem như là lập trường nhận thức luận; 3) được xem như là những niềm tin được các thành viên trong một lãnh vực nghiên cứu cụ thể chia sẻ; 4) được xem như là những ví dụ mẫu (exemplars). Tác phẩm của Kuhn nhấn mạnh ý nghĩa ba và bốn. Như vậy, mẫu hình qui chiếu thường được hiểu là “một loạt niềm tin và thực hành vốn điều hướng một lãnh vực nghiên cứu”. Nó nhằm xác định phải nghiên cứu cái gì, phải trả lời những câu hỏi nào, làm sao để trả lời và phải theo những qui tắc nào để lý giải các câu trả lời (Ritzer, 2000, tr. 629). Trong bài viết này, mẫu hình qui chiếu biểu hiện trong nhận thức luận, quan điểm lý thuyết và phương pháp luận.

2.2 Mối quan hệ giữa bốn thành tố chính nêu trên

Theo bảng 1, các dòng tư tưởng nhận thức luận chính yếu thường được đề cập là thuyết duy khách thể (objectivism), thuyết kiến tạo (constructivism), duy chủ thể (subjectivism), duy thực (realism) và thực dụng (pragmatism)³. Và chúng thường được thể hiện qua các quan điểm lý thuyết. Lấy thí dụ quan điểm nhận thức luận duy khách thể được biểu hiện qua lý thuyết thực chứng (positivism), hay quan điểm kiến tạo luận thể hiện qua hiện tượng luận (phenomenology). Do vậy, một tác giả hiện tượng luận không thể có một nhận thức luận duy khách thể hay duy chủ thể. Từ cột 2 (quan điểm lý thuyết), bảng 1, trên nguyên tắc và nếu thích hợp với

mục đích nghiên cứu, bất cứ quan điểm lý thuyết nào cũng có thể chọn bất cứ phương pháp luận nào và bất cứ phương pháp luận nào cũng có thể sử dụng bất kỳ phương pháp nào. Chỉ trừ một số quan hệ mang tính đặc trưng (ví dụ: lý thuyết duy khách thể ⇒ lý thuyết thực chứng ⇒ điều tra ⇒ phân tích thống kê; hay lý thuyết kiến tạo ⇒ lý thuyết tương tác ⇒ dân tộc học ⇒ quan sát tham gia). “Tuy nhiên đặc trưng không có nghĩa là bó buộc” (Crotti, 1998, tr. 12).

Chiều quan hệ của một mục cụ thể (cột bên trái) có thể đi đến nhiều mục khác ở cột bên phải. Một quan điểm lý thuyết có thể hiện thân trong nhiều phương pháp luận. Lấy thí dụ lý thuyết tương tác biểu tượng có thể thể hiện trong các phương pháp luận dân tộc học hay lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa (grounded theory) (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010, tr. 9-19). Lý thuyết phê phán có thể thể hiện qua nghiên cứu hành động (action research) và ngay cả dân tộc học phê phán (critical ethnography)...

Chiều quan hệ từ trái sang phải là dựa trên lôgic. Trong thực tế, theo diễn tiến thời gian của cuộc nghiên cứu ta có thể đi từ phải sang trái. Thông thường, nghiên cứu là nhằm tìm câu trả lời cho một vấn đề. Và ta thường đặt ra, đâu là những câu hỏi tiềm ẩn trong vấn đề muốn nghiên cứu, đâu là mục đích và các mục tiêu của nghiên cứu, chiến lược nào có thể cung cấp những dữ kiện ta đang tìm kiếm. Như vậy các câu hỏi nghiên cứu đã thể hiện các mục tiêu của nghiên cứu và dẫn đến phương pháp luận và các phương pháp. Và chúng ta muốn mọi người thấy được quá trình nghiên cứu

³Trong tác phẩm của Crotti, ông đề cập đến thuyết duy chủ thể, duy khách thể và kiến tạo luận (1998, tr. 5); trong nhiều sách về phương pháp nghiên cứu còn đề cập đến thuyết duy thực, thuyết thực dụng (Saunders và tgc, 2009, tr.119). Theo chúng tôi thuyết kiến tạo có thể xem là một biến thể của thuyết duy chủ thể và thuyết duy thực là một biến thể của thuyết duy khách thể. Trên bình diện bản thể luận - một môn học về bản chất của thực tại, của hữu thể - thuyết duy khách thể quan niệm có một thực tại bên ngoài, khách quan và độc lập với các tác nhân xã hội. Thuyết duy chủ thể quan niệm thực tại mang tính chủ quan, bị chi phối bởi ý thức của con người. Với lý thuyết kiến tạo, thực tại được kiến tạo bởi xã hội, mang tính chủ quan, đa dạng và có thể biến đổi. Thuyết duy thực quan niệm thực tại khách quan, độc lập với tư tưởng, niềm tin và nhận thức của con người, nhưng nó được lý giải thông qua những điều kiện xã hội (duy thực phê phán, critical realism). Cuối cùng, theo lý thuyết thực dụng, thực tại là bên ngoài, đa dạng và cái lối nhìn được chọn là lối nhìn có khả năng nhất giúp trả lời các câu hỏi nghiên cứu.

là nghiêm cẩn, các kết quả là đáng tin cậy. pháp, phương pháp luận đến quan điểm lý
Điều này dẫn chúng ta đi từ các phương thuyết và nhận thức luận.

Bảng 1. Bảng liệt kê một số nhận thức luận, quan điểm lý thuyết, phương pháp luận và phương pháp chính yếu trong nghiên cứu xã hội

Nhận thức luận ⁴ (1)	Quan điểm lý thuyết (2)	Phương pháp luận (3)	Phương pháp (cụ thể) (4)
<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết duy khách thể - Lý thuyết kiến tạo - Lý thuyết duy chủ thể - Lý thuyết duy thực - Lý thuyết thực dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết thực chứng (và hậu thực chứng) - Lý thuyết kiến giải: * Lý thuyết tương tác biểu tượng * Hiện tượng luận * Thông diễn học - Lý thuyết chức năng - Lý thuyết cấu trúc - Lý thuyết phê phán - Lý thuyết nữ quyền - Lý thuyết hậu hiện đại - Các lý thuyết của các bộ môn, chuyên ngành - vv... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu thực nghiệm - Nghiên cứu điều tra - Dân tộc học, nhân học - Lý thuyết đặt trên dữ kiện thực địa (grounded theory) - Nghiên cứu hiện tượng luận - Nghiên cứu hành động - Nghiên cứu trên quan điểm nữ quyền - Phân tích diễn ngôn - vv... 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản hỏi - Phân tích thống kê... - Quan sát tham gia/ không tham gia - PV sâu - Cách chọn mẫu - Thang đo - PV nhóm tiêu điểm - Trường hợp điển cứu - PV tiểu sử - Tự thuật - Các phương pháp dân tộc học thị giác - Phân tích thống kê - Phân tích đối chiếu - Bản đồ nhận thức - Phân tích tư liệu - Phân tích nội dung - Phân tích đàm thoại - vv...

Nguồn: Nguyễn Xuân Nghĩa tổng hợp Crotti (1998), Carter, Little (2007), Bryman (2008), Saunders, Lewis, Thornhill (2009).

Trong việc đi tìm sách lược phù hợp để thực hiện các mục tiêu cuộc nghiên cứu, rất nhiều khi các phương pháp luận có sẵn có thể giúp ta. Nhưng cũng có trường hợp người nghiên cứu phải đối chiếu nhiều phương pháp luận để tạo ra phương pháp luận thích hợp nhất với nghiên cứu của mình. Người nghiên cứu phải có đầu óc biện chứng, có quan điểm lý thuyết đi đôi với phương pháp luận và các phương pháp, nhưng cũng có những lý thuyết không đi

đôi với một phương pháp luận nào, ví dụ lý thuyết gán nhãn (labeling theory) trong nghiên cứu hành vi lệch lạc, hay lý thuyết thể tục hoá trong lãnh vực tôn giáo không nhất thiết đi kèm với những phương pháp luận, với các phương pháp nhất định nào

Chúng ta đã đề cập các mối quan hệ từ trái sang phải và từ phải sang trái. Chúng ta cũng có thể thấy các hướng quan hệ từ trên xuống và từ dưới lên (cột 2). Hay nói cách khác có thể phối hợp hai quan điểm

⁴Nhiều sách về phương pháp nghiên cứu còn đề cập đến những vấn đề bản thể luận (ontology), song song với những vấn đề nhận thức luận. Bản thể luận là bộ môn nghiên cứu về hữu thể (being), về thực tại (reality). Nhiều vấn đề bản thể luận và nhận thức luận hoà lẫn vào nhau, hơn nữa trong các quan điểm lý thuyết cũng đã thể hiện các cơ sở bản thể luận, và vì không gian giới hạn của bài báo nên chúng tôi không tách các vấn đề bản thể luận thành một mục riêng. Trong giáo trình của Saunders, Lewis và Thornhill, các tác giả trình bày bốn khuynh hướng triết học: lý thuyết thực chứng, lý thuyết duy thực, lý thuyết kiến giải (interpretivism) và thuyết thực dụng (pragmatism) trên cả bình diện bản thể luận và nhận thức luận (Saunders, Lewis và Thornhill, 2009, tr. 108-119)

phương pháp luận. Habermas đã tranh luận với nhà thông diễn học Hans-Georg Gadamer để hình thành thông diễn học phê phán (critical hermeneutics). Chúng ta cũng nghe thấy lý thuyết nữ quyền phê phán, nữ quyền hậu hiện đại (postmodernist feminism) hay lý thuyết phê phán hậu hiện đại (postmodernist critical theory)...

3. ĐÓNG GÓP, ẢNH HƯỞNG CỦA BỐN THÀNH TỐ TRÊN TRONG NGHIÊN CỨU XÃ HỘI

3.1 Đóng góp của nhận thức luận cho nghiên cứu xã hội chủ yếu mang tính lý thuyết. Nhưng đây là điều không tránh khỏi cho dù nhà nghiên cứu có nhận thức được điều đó hay không. Với nhà nghiên cứu có tính phản tư cao, thì sẽ tích cực chủ động ứng dụng quan điểm nhận thức luận đã chọn lựa vào nghiên cứu. Với nhà nghiên cứu ít tính phản tư và đây là điều thường xảy ra, cho dù không ý thức, nhưng khi tiến hành nghiên cứu – có nghĩa là tham gia quá trình tạo ra kiến thức – thì cũng đã mặc định thể nào là kiến thức, nó được cấu tạo như thế nào.

Một người đứng trên lập trường nhận thức luận khác nhau sẽ chọn lựa những phương pháp luận khác nhau. Lấy thí dụ, một nhà nghiên cứu X nghiên cứu về việc hút thuốc lá trong thanh niên. Nếu nhà nghiên cứu, đứng trên quan điểm thực chứng, quan niệm có thể nghiên cứu một cách khách quan về kiến thức, hành vi, thái độ, niềm tin của người đang hút thuốc lá thì có thể tiến hành một cuộc điều tra kiến-thái-hành-tin (KAPB survey; K: knowledge, A: attitude, P: practice, B: belief). Nhưng nếu nhà nghiên cứu cho rằng việc hút thuốc lá trong thanh niên là biểu hiện của một phân lớp văn hoá (subculture) muốn tự khẳng định mình, nhà nghiên cứu có thể theo lối tiếp cận nhân học hay theo lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa (grounded theory) để tìm hiểu.

Và từ đó, nhận thức luận ảnh hưởng sâu đậm quan điểm, quan hệ giữa người nghiên cứu và đối tượng khảo sát, xem đối tượng khảo sát có vai trò thụ động hay chủ động tham gia vào cuộc nghiên cứu. Như vậy, nhận thức luận ảnh hưởng đến cách thức thể hiện tính chất của các phương pháp. Cuối cùng, nhận thức luận ảnh hưởng đến hình thức, cách thức lên tiếng, trình bày của phương pháp. (Hình 1)

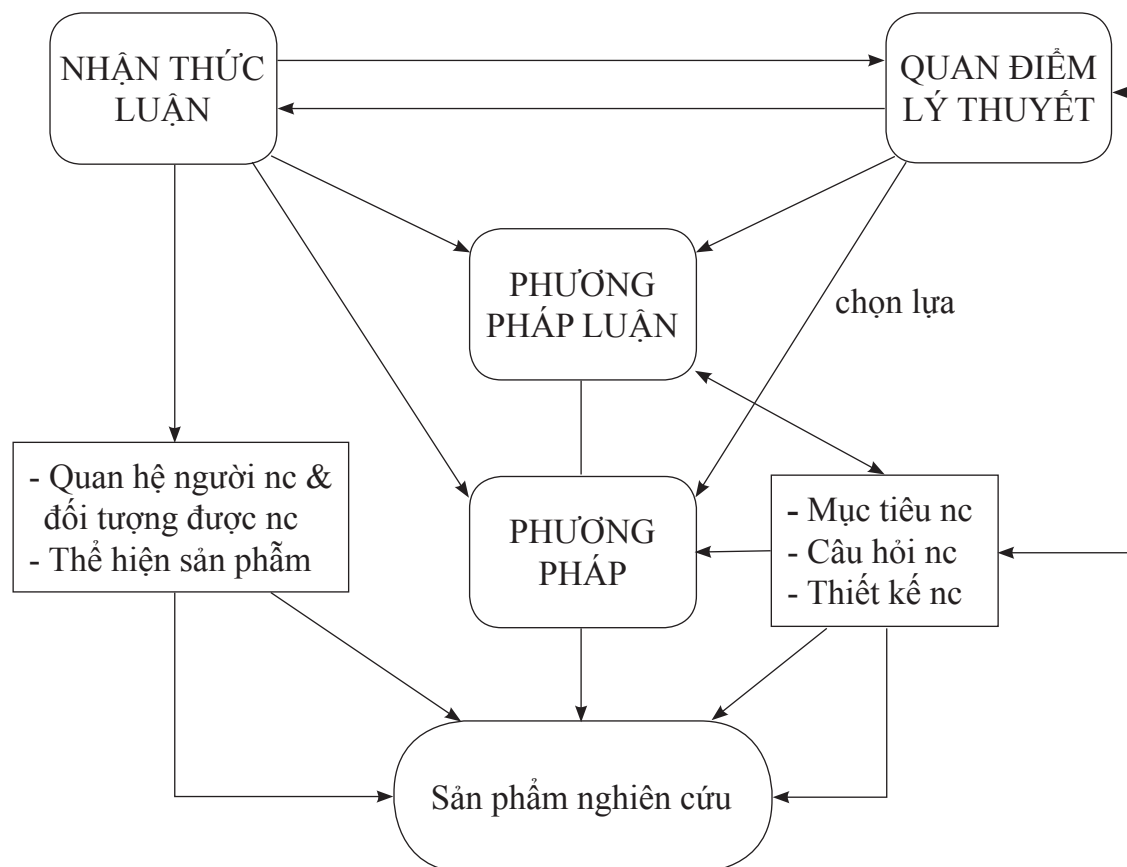
3.2. Đóng góp của quan điểm lý thuyết cho nghiên cứu

Khi chọn lựa một phương pháp luận, ta đã có một số giả định. Chúng ta cần lập luận những giả định này là gì. Đây chính là điều được thực hiện khi đưa ra một quan điểm lý thuyết. Lý thuyết đưa ra lập luận về những giả định ta gán cho nhiệm vụ nghiên cứu và phản ánh phương pháp luận ta đã hiểu và sử dụng. Lấy thí dụ, khi tiến hành một đề tài theo lối nghiên cứu dân tộc học và thâm nhập dữ kiện bằng quan sát tham gia, ta đã dựa vào những giả định nào khi tiến hành như vậy? Với phương pháp quan sát tham gia, ta đã có những giả định về ngôn ngữ (phải hiểu ngôn ngữ của đối tượng khảo sát), về những vấn đề liên chủ thể (intersubjectivity) (ta phải hiểu đối tượng từ quan điểm, kinh nghiệm của họ), về giao tiếp (phải thấu hiểu ý nghĩa bên trong, những suy nghĩ chủ quan của đối tượng...). Tại sao ta xem những giả định này là quan trọng và biện minh chúng như thế nào? Bằng cách trình bày quan điểm lý thuyết của chúng ta - nghĩa là cái nhìn của ta về thế giới con người, về đời sống xã hội – và đó chính là cơ sở của những giả định. Trong ví dụ vừa nêu, đó là lý thuyết tương tác biểu tượng (symbolic interactionism) mà lập luận căn bản là muốn hiểu được đối tượng khảo sát ta phải đặt mình vào vị trí của họ, để hiểu được những ứng xử, suy nghĩ của họ.

Như vậy quan điểm lý thuyết có vai trò to lớn trong việc biện minh cho việc chọn lựa phương pháp luận và phương

pháp. Nó còn nối kết phương pháp luận và nhận thức luận của nghiên cứu.

Hình 1. Ảnh hưởng nhận thức luận, quan điểm lý thuyết, phương pháp luận và phương pháp đối với nghiên cứu xã hội



3.3. Đóng góp của phương pháp luận đối với nghiên cứu

Thông thường trong các nghiên cứu, có nhận xét “Phương pháp luận này được chọn thích hợp với mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu”, thật ra tác động này là hai chiều, phương pháp luận ảnh hưởng qua lại với mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và thiết kế cuộc nghiên cứu. Trở lại nghiên cứu về hút thuốc lá trên đây, nếu nhà nghiên cứu chọn phương pháp luận dân tộc học thì xem việc hút thuốc là biểu hiện của phân lớp văn hoá, nhà nghiên cứu sẽ chọn một nhóm thanh niên hút thuốc lá của một trường, một tổ chức để làm “thực địa” xâm nhập. Nếu nhà nghiên cứu chọn nối tiếp cận hiện tượng luận thì sẽ đi tìm bản chất, ý nghĩa của kinh nghiệm

hút thuốc lá của các cá nhân trong lứa tuổi thanh niên. Nếu chọn lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa (grounded theory) thì nhà nghiên cứu cố gắng hình thành một lý thuyết cụ thể về việc hút thuốc lá ở lứa tuổi này. Nếu chọn lối nghiên cứu hành động (action research), người nghiên cứu sẽ nhằm thay đổi việc hút thuốc lá ở một cộng đồng, một nhóm thanh niên nào đó....

Nhưng ngược lại, mục tiêu, câu hỏi và việc thiết kế nghiên cứu cũng chi phối chọn lựa phương pháp luận. Trong nghiên cứu việc hút thuốc lá, nếu nhà nghiên cứu chú trọng tìm hiểu văn hoá hơn là những cá nhân, thì sẽ không chọn hiện tượng luận hay các phương pháp luận tự sự (narrative methodologies), mà có thể chọn lựa lối tiếp cận dân tộc học...

Phương pháp luận cũng ảnh hưởng các hoạt động của tiến trình nghiên cứu. Lấy thí dụ, nếu chọn lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa thì phải chọn mẫu theo lý thuyết (theoretical sampling), với hiện tượng luận và các phương pháp luận tự sự việc chọn mẫu là không bó buộc.

3.4 Đóng góp của phương pháp cho cuộc nghiên cứu

Các phương pháp giúp việc chọn mẫu, thu thập, xử lý dữ kiện, phân tích và viết báo cáo. Trong nghiên cứu định lượng các bước trên có thể tách biệt và tuần tự diễn ra theo đường thẳng. Nhưng trong nghiên cứu định tính các bước trên nên hình dung theo những chu kỳ nhỏ, lặp lại, bởi lẽ nguyên tắc “phân tích ngay trên thực địa” (“in spot analysis”) có thể đưa đến việc đặt lại giả thiết, đặt lại cách chọn mẫu...

Đóng góp của phương pháp có tính thực tiễn, nó quyết định sản phẩm cuối cùng của cuộc nghiên cứu. Cùng một đề tài nghiên cứu, cùng một sách lược nghiên cứu định lượng, nhưng nếu chỉ chọn lựa sử dụng dữ liệu thống kê có sẵn sẽ cho một sản phẩm khác với việc sử dụng bản hỏi. Cũng vậy, với nghiên cứu định tính, nếu sử dụng phỏng vấn nhóm tiêu điểm thay vì phỏng vấn sâu cá nhân, phỏng vấn qua email thay vì điện thoại, quan sát thay cho sử dụng tư liệu sẽ cho những dữ kiện khác nhau. Remy và Ruquoi cho ta một thí dụ, cùng một văn bản, sử dụng ba phương pháp phân tích nội dung khác nhau đã cho những kết quả, lối nhìn khác nhau (Remy, Ruquoi, 1990). Do đó, khi chọn lựa phương pháp, phải xác định rõ mục tiêu sử dụng đồng thời phải nghiêm túc khi thao tác.

4. SỰ PHÂN CHIA TRUYỀN THÔNG GIỮA NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG VÀ ĐỊNH TÍNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ DO SỰ PHÂN CHIA NÀY ĐẶT RA

4.1. Tính tương đối của sự phân chia truyền thông

Có sự phân biệt giữa nghiên cứu định lượng và định tính, nhưng sự phân biệt được

xem như là những sách lược (strategies) và chỉ xảy ra trên bình diện phương pháp. Các sách giáo khoa về phương pháp đều phân ra nghiên cứu định lượng gắn liền với các phương pháp định lượng và nghiên cứu định tính gắn với các phương pháp định tính và xem hai loại nghiên cứu này tương phản nhau. Thật ra sự phân biệt này có tính cách qui ước và tương đối. Sự phân biệt cứng nhắc này không còn được biện minh, bởi lẽ “Hầu như các phương pháp luận mà ngày nay chúng ta biết dưới dạng là “nghiên cứu định tính” trong quá khứ đã được thực hiện một cách hoàn toàn thực nghiệm và thực chứng” (Crotti, 1998, tr.15), lấy thí dụ, lối tiếp cận quy nạp phân tích (analytic induction)- một lối tiếp cận định tính - đã khởi đầu từ ý đồ thực chứng (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2011, tr. 24-33).

Sự phân biệt nghiên cứu định lượng và định tính trước đây được đặt cơ sở trên quan điểm nhận thức luận duy khách thể và duy chủ thể, nhưng ngày nay có nhiều quan điểm nhận thức luận và chúng cũng không dựa trên sự phân biệt rạch ròi như trên. Các quan điểm lý thuyết, ngày nay, bị chi phối bởi logic mờ (fuzzy logic). Quan điểm duy thực thừa nhận tri thức chấp nhận được là những hiện tượng quan sát được, nhưng đồng thời thừa nhận vai trò của cảm giác, của bối cảnh chi phối những hiện tượng này. Quan điểm thực dụng đi xa hơn, chủ trương hiện tượng ta quan sát được và ý nghĩa chủ quan đều là những nhận thức có thể chấp nhận được, vấn đề quan trọng là ở câu hỏi nghiên cứu. Nhận thức luận này chú trọng tính thực tiễn, hội nhập tất cả quan điểm nào giúp lý giải dữ kiện (Saunders, 2009, tr. 120). Ngày nay, ngay cả mô hình khoa học tự nhiên cũng không còn độc tôn lý thuyết thực chứng mà còn chấp nhận quan điểm duy thực và ngược lại, chủ trương của nghiên cứu định tính là lý thuyết phải xuất phát từ dữ kiện, thì thực ra đây cũng là “lý thuyết thực chứng được che giấu” (“covert positivism”) (Bryman, 2008, tr. 589).

Các lý thuyết được đưa ra của các nhà xã hội học nổi tiếng gần đây như P. Bourdieu với lý thuyết về tập tính (habitus), lý thuyết cấu trúc phái sinh (structuralisme génétique) hay A. Giddens với thuyết cấu trúc hoá (structuration) đều là những cố gắng vượt lên nhận thức luận nhị nguyên duy chủ thể hay duy khách thể (Bourdieu, 1980; Giddens, 2009, tr. 89-90)

Trên bình diện phương pháp luận, trong một phương pháp luận xem ra vẫn có thể tồn tại hai quan điểm nhận thức luận đối nghịch nhau. Trong lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa (grounded theory) đồng thời tồn tại quan điểm duy khách thể của Strauss và Glaser và quan điểm kiến tạo luận của Charmaz (Bryman, 2008, tr. 548-550; Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010, tr.17).

Về mặt phương pháp, vẫn có quan niệm phương pháp định tính – ví như, quan sát tham gia, phỏng vấn sâu - cho ta nắm bắt được ý nghĩa, suy nghĩ của người được nghiên cứu và phương pháp định lượng, ví dụ bản hỏi, có sẵn trường giúp ta nắm bắt các sự kiện, hành vi khách quan. Thế nhưng, việc sử dụng các thang đo thái độ, như thang đo Likert, cho phép ta đo lường thái độ và qua đó tìm hiểu những chuẩn mực, giá trị (tức là những ý nghĩa bên trong) chi phối người trả lời. Kỹ thuật phân tích nhân tố là một kỹ thuật thống kê, nhưng nó cũng cho ta khám phá cái logic đằng sau các lập luận. Phương pháp phân tích nội dung (content analysis) thường được ứng dụng cho các dữ kiện định tính, nhưng phân tích tần số xuất hiện của các từ, chủ đề lại cho phép ta định lượng hoá các văn bản...

Như vậy, mối liên hệ giữa nhận thức luận, lý thuyết, phương pháp luận và phương pháp không có tính tất định (deterministic). Đối với một số phương pháp, mối liên hệ này là một xu hướng và ràng buộc giữa chúng là không chặt chẽ. Năm 1976, Snizek đã thống kê 1.434 bài báo trên các tạp chí xã hội học Mỹ và cho

thấy không có tương quan giữa nghiên cứu định lượng và định tính với các mô hình lý thuyết do Ritzer đưa ra (2000, tr. 630-632). Cũng vậy, năm 1986, Platt làm một nghiên cứu lịch sử về xã hội học Mỹ và nêu rõ người ta đã cường điệu mối liên hệ thường đề cập giữa lý thuyết chức năng với thuyết duy thực chứng và điều tra xã hội học (Bryman, 2008, tr.593).

4.2 Các phương pháp hỗn hợp: phối hợp nghiên cứu định lượng và định tính.

Các nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp ngày càng gia tăng, nhưng không có nghĩa các nhà nghiên cứu đều chấp nhận xu hướng này. Những người chống đối việc phối hợp nghiên cứu định lượng với nghiên cứu định tính đưa ra lý do về những rào cản về bản thể luận và nhận thức luận của hai lối nghiên cứu này: chúng đối nghịch và không thể phối hợp.

Ngược lại những người chủ trương phối hợp hai phương pháp này quan niệm rằng mỗi phương pháp thấu thập dữ kiện định lượng và định tính đều có ưu khuyết điểm, nên cần phối hợp để hạn chế bớt các khuyết điểm. Họ cũng thừa nhận hai lối nghiên cứu trên có những giả định nhận thức luận khác nhau, nhưng điều đó không hoàn toàn cứng nhắc. Hơn nữa, so với nhận thức luận, nhiều phương pháp mang tính trung lập, phi lý thuyết (atheoretical) và có tính độc lập (Bryman, 2008, tr. 606; Carter, 2007, tr. 1324). Từ những năm 1980, sự phát triển của khuynh hướng nữ quyền phê phán lối nghiên cứu định lượng, lại càng gia tăng khuynh hướng phối hợp các phương pháp. Pourtois và Desmet trong cuốn sách về phương pháp luận của mình cũng khẳng định, ngày nay nên vượt qua lối nhìn “hoặc là định lượng hoặc là định tính” (Pourtois, Desmet, 2007, tr. 1). Tóm lại, “Là nguy hiểm nếu xem hai truyền thống này (định lượng và định tính) như là hai “chiến tuyến” với các lối tiếp cận nghiên cứu hoàn toàn khác nhau” (Giddens, 2009, tr. 49).

Khuynh hướng sử dụng các phương pháp hỗn hợp ngày càng được thừa nhận và phát triển. Năm 2003 A. Tashakkori và C. Teddlie viết cuốn *Sách hướng dẫn về phương pháp hỗn hợp trong nghiên cứu xã hội và hành vi* (“Handbook of Mixed Methods in Social and Behavioral Research”, Thousand Oaks, Calif: Sage). Năm 2007, tạp chí quốc tế Journal of Mixed Methods Research (Tạp chí Các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp) ra đời. Creswell, một trong các tổng biên tập của tạp chí này đã cho thấy phương pháp hỗn hợp đã phát triển trong nhiều ngành khoa học xã hội và hành vi, càng đi sâu vào các vấn đề cơ bản như nhận thức luận, phương pháp luận... (Creswell, 2008, 2009).

Ngày nay, trong tương quan với phương pháp, các nghiên cứu có thể đi theo một trong ba hướng: đơn phương pháp (mono-method), đa phương pháp (multiple-method) và phương pháp hỗn hợp (mixed method) (Saunders và tgc, 2009, tr. 138, 152). Về phương pháp hỗn hợp, các tác giả cũng đưa ra phân loại các loại hình phương pháp hỗn hợp dựa trên các tiêu chí: a) phải chọn hoặc phương pháp định lượng hay định tính, phương pháp nào là chính yếu, b) phương pháp nào sẽ được tiến hành trước hay tiến hành song song. Cũng đã có bài viết bằng phương pháp phân tích nội dung đã liệt kê các phương pháp phối hợp hai loại phương pháp trên, ví như: kiểm tra chéo (triangulation), bổ sung cho nhau (completeness), phát triển công cụ (instrument development), minh họa (illustration), khẳng định và khám phá (confirm and discover)... (Bryman, 2008, tr. 607-608; Saunders, 2009, tr. 152).

Những dữ kiện trình bày trên cho thấy mối quan hệ giữa nhận thức luận, quan điểm lý thuyết, phương pháp luận và phương pháp trong nghiên cứu xã hội là đa chiều và đa dạng. Do vậy, trong truyền đạt kiến thức về phương pháp nghiên cứu, cần trình bày và cung cấp cho người học

những lối nhìn khác nhau để người học biết phê phán, nhưng đồng thời cũng cởi mở chấp nhận những quan điểm đúng đắn của người khác. Tinh thần này còn giúp người nghiên cứu bỏ lối nhìn giáo điều và có thể có những chọn lựa sách lược thích hợp cho vấn đề nghiên cứu của riêng mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bourdieu P. (1980), *Le Sens Pratique*. Paris, Minuit.
2. Bryman A. (2008), *Social Research Methods*, 3rd Edit., Oxford Univ. Press
3. Bùi Thế Cường (cb) (2010), *Phương Pháp Nghiên Cứu – Xã Hội và Lịch Sử*. Nxb Tự Điển Bách Khoa.
4. Carter S.M., Little M. (2007), “Justifying Knowledge, Justifying Method, taking Action: Epistemologies, Methodologies and Methods in qualitative Research”, *Qualitative Health Research*, 17- 2007.
5. Chatterjee A. (2011), “Ontology, Epistemology and Multimethod Research in Political Sciences”. *Philosophy of Social Sciences*, August.
6. Creswell J.W. (2009) “Mapping the Field of Mixed Methods Research”, *Journal of Mixed Methods Research*, N 3.
7. Creswell J. W. (2008) “Mixed Methodology Across Disciplines”. *Journal of Mixed Methods Research*. N2.
8. Crotti M. (1998), *The Foundations of Social Research*. Sage Publications.
9. Giddens A. (2009), *Sociology 6th* . Polity.
10. Guba E., Lincoln Y. (1994), “Competing Paradigm in Qualitative Research”, trong N. K. Denzin & Y. S. Lincoln (eds). *Handbook of Qualitative Research*. London, Sage.
11. Hall B., Kirsten H. (2008) “A Synergistic Approach – Conducting

- Mixed Methods Research with Typological and Systemic design”, *Journal of Mixed Methods Research*. N 3.
12. Morgan D. L (2007) “Paradigms Lost and Pragmatism Regained: Methodological Implications of Combining Qualitative and quantitative Methods”, *Journal of Mixed Methods Research*, 1.
13. Nguyễn Xuân Nghĩa. (2010), Lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa: trình bày và so sánh với một số tiếp cận định tính. Tạp chí *Khoa học Xã hội* số 9 (145).
14. Nguyễn Xuân Nghĩa. (2011), Qui nạp phân tích: một lối tiếp cận của nghiên cứu định tính, Tạp chí *Khoa học Xã hội*, số 7 (149) .
15. Pourtois J-P, Desmet H., (2007), *Épistemologie et Instrumentation en Sciences Humaines*. Liège, Madaga.
16. Remy J., Ruquoi D (eds). (1990), *Méthodes d’analyse de contenu et sociologie*. Bruxelles : Publications des Facultés Universitaires Saint-Louis.
17. Ritzer G., (2000), *Sociological Theory*. 5th ed., Mc GrawHill.
18. Rawnsley M. (1998), “Ontology, Epistemology and Methodology: a Clarification”. *Nursing Science Quaterly*, 11.
19. Saunders M., Lewis P., Thornhill A. (2009), *Research Methods for Business Students*, 5th ed., Prentice Hall.
20. Schwandt T.A. (2001), *Dictionary of Qualitative Inquiry*, 2nd. Thousand Oaks, Sage.
- Người viết: Nguyễn Xuân Nghĩa, giảng viên Khoa XHH & CTXH
DTDD: 0908890504
Email: nguyensexnghia@yahoo.com